

Họ và tên..... Lớp 4A

Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm chung	GV coi, chấm ký	PHHS ký

A. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

- Kiểm tra đọc thành tiếng (3 điểm):** (GVCN kiểm tra các bài tập đọc từ tuần 29->tuần 33)
- Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt (7 điểm)**

THỎ TRẮNG TỐT BỤNG (trích)

Sáng hôm sau, sói xám vừa mở cửa đã thấy một hộp quà xinh xắn trước mắt. A! Bên trong là một chú thỏ trắng mập mạp trắng muốt, trước ngực treo tấm biển viết dòng chữ “Thỏ trắng tốt bụng”.

- Tốt bụng gì mà tốt bụng, cứ làm món ăn sáng cho ta là tốt rồi. Nói đoạn sói há miệng định ngoạm thịt thỏ trắng. Thỏ trắng bỗng cất lời: “Em chào anh sói xám ạ”.

- Mi vừa gọi ta là anh hả?

- Vâng ạ, anh sói xám ơi, em là thỏ trắng tốt bụng.

Sói nhìn kĩ thì phát hiện ra trước mặt mình không phải là một chú thỏ thực sự, mà là một chú thỏ đồ chơi biết nói. Sói nhìn một hồi rồi bẻ thỏ trắng lên: ”A, thỏ con đáng yêu quá. Còn gọi mình là anh sói xám nữa cơ đây.”

Bỗng thỏ trắng cất lời: “Anh dễ thương quá, em quý anh lắm!”. Sói nghe thế liền bật khóc vì xúc động. Nó vừa khóc vừa nói: “Mi..., mi đang nói với ta phải không? Chưa từng có ai khen ta, yêu quý ta bao giờ.”

Thỏ bảo: “Có sao đâu! Chỉ cần anh quan tâm đến mọi người, không làm điều xấu, chắc chắn sẽ có rất nhiều người yêu quý anh.”

Sói gật đầu cái rụp. Từ đó, ngày nào sói cũng ở bên thỏ trắng.

Thỏ trắng tốt bụng rất biết quan tâm đến mọi người. Thấy bà dê núi chở một bó cỏ to, thỏ hỏi: “Bà dê núi ơi, bà có mệt không?”. Sói nghe thấy vội chạy lại giúp bà chở cỏ về nhà.

Thấy gấu xám bị ngã gãy chân, thỏ bảo: “Anh gấu đừng khóc nữa, để em giúp cho đỡ đau nhé.”. Sói lại vội cùng thỏ giúp gấu băng bó vết thương... Dần dần mọi người đều công nhận là sói xám đã trở nên tốt bụng rồi.

Sưu tầm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu:

1 (0,5 đ). Sói mở hộp quà ra bên trong có gì?

A. Có chú thỏ trắng mập mạp trắng muốt.

B. Có một chú lợn hồng.

C. Có chú chó con tinh nghịch.

D. Có chú chim lông vàng.

2 (0,5 đ). Sói nhìn kĩ và đã phát hiện ra điều gì?

A. Món quà là một chú mèo đáng yêu.

C. Món quà là một chú thỏ đồ chơi biết nói.

B. Món quà là một chú thỏ đáng yêu.

D. Món quà là một chú thỏ đồ chơi biết hát.

3 (0,5 đ). Vì sao sói bật khóc khi nghe thỏ nói lời dễ thương?

- A. Vì sói đau chân. B. Vì chưa ai từng yêu quý sói.
C. Vì thỏ trắng đẹp. D. Vì sói đói bụng.

4 (0,5 đ). Sói đã thay đổi như thế nào sau khi gặp được thỏ?

- A. Sói gian ác và hay nghĩ cách để hại các con vật khác.
B. Sói quan tâm và yêu thương, giúp đỡ mọi người nhiều hơn.
C. Sói hiền lành, nhút nhát và chậm chạp.
D. Sói chơi đùa, hoà đồng với các con vật khác.

5 (1 đ). Qua bài đọc trên em rút ra được bài học gì?

6 (1 đ). Em hãy xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu sau:

Sau lúc đó, sói liền bật khóc vì xúc động.

- Chủ ngữ:.....
- Vị ngữ:

7 (0,5 đ). Từ “**xúc động**” trong câu “**Sói nghe thế liền bật khóc vì xúc động**” thuộc loại từ gì?

- A. Danh từ B. Động từ
C. Tính từ D. Trạng từ

8 (0,5 đ). Dấu ngoặc kép trong câu: **Thỏ bảo: “Có sao đâu! Chỉ cần anh quan tâm đến mọi người, không làm điều xấu, chắc chắn sẽ có rất nhiều người yêu quý anh.”**

- A. Đánh dấu lời nói trực tiếp (lời đối thoại) B. Đánh dấu phần chú thích trong câu
C. Đánh dấu tên tác phẩm, tài liệu. D. Đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp

9 (0,5 đ). Tìm động từ trong câu: **Sói nhìn một hồi rồi bẻ thỏ trắng lên.**

Động từ:

10 (1 đ). Trong câu sau: “**Từ đó, ngày nào sói cũng ở bên thỏ trắng**”. là:

- Bộ phận trạng ngữ là:
- Bộ phận trạng ngữ bổ sung ý nghĩa về mặt.....

11 (0,5 đ). Em hãy viết một câu nêu đặc điểm để nói về sói xám.

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

- Học sinh có thể lựa chọn một trong hai đề tập làm văn sau:

Đề 1: Dù là cây hoa, cây bóng mát, hay là cây ăn quả,... thì mỗi cây đều có vẻ đẹp hoặc mang lại lợi ích khác nhau. Em hãy tả một cây mà em yêu thích nhất.

Đề 2: Kể lại một câu chuyện mà em đã được nghe, đọc và để lại cho em nhiều cảm xúc.

MÔ TẢ, PHÂN TÍCH VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**Môn: Tiếng Việt – Lớp 4, Năm học: 2024 – 2025***Thời gian làm bài: 70 phút***I. MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

- Tên đề: Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II – Môn Tiếng Việt – Lớp 4
- Thời lượng: 70 phút
- Cấu trúc đề kiểm tra:

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (3 điểm): Giáo viên kiểm tra học sinh đọc các bài trong SGK từ tuần 29 đến tuần 33.

2. Đọc hiểu kết hợp tiếng Việt (7 điểm): Học sinh đọc thầm bài “Thỏ trắng tốt bụng” và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

Học sinh chọn một trong hai đề tập làm văn:

- Tả một cây mà em yêu thích.
- Kể lại một câu chuyện đã nghe hoặc đọc để lại nhiều cảm xúc.
- Hình thức: Kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Đề kiểm tra đánh giá năng lực đọc, hiểu văn bản, kiến thức tiếng Việt và kỹ năng viết đoạn văn.

II. PHÂN TÍCH ĐỀ KIỂM TRA**Phần Đọc (10 điểm):**

- Đọc thành tiếng (3 điểm): Đánh giá qua tiết ôn luyện. Học sinh thể hiện khả năng đọc rõ ràng, lưu loát, ngắt nghỉ hợp lý.
- Đọc hiểu (7 điểm): Gồm 11 câu hỏi. Trong đó có các câu trắc nghiệm (C1–C4, C7–C9), câu hỏi mở (C5, C6, C10, C11). Nội dung kiểm tra: hiểu văn bản, tìm từ loại, xác định thành phần câu, dấu câu, trạng ngữ, viết câu.

Phần Viết (10 điểm):

- Viết đoạn văn miêu tả hoặc kể chuyện, kiểm tra khả năng phát triển ý, cấu trúc đoạn văn, kỹ năng quan sát, dùng từ, sáng tạo, trình bày và chính tả.

III. MA TRẬN ĐỀ THEO 3 MỨC ĐỘ

Mạch kiến thức/kĩ năng	Mức 1: Nhận biết	Mức 2: Thông hiểu	Mức 3: Vận dụng	Tổng
Đọc thành tiếng	3,0 đ			3,0 đ
Đọc hiểu văn bản	C1,2,3,4,7,8,9 (3,5 đ)	C6,10 (2 đ)	C5,11 (1,5 đ)	7,0 đ
Tập làm văn		2,0 đ	8,0 đ	10,0 đ
Tổng	6,5 đ	4,0 đ	9,5 đ	20,0 đ

- Điểm chung của môn Tiếng Việt bằng điểm trung bình của điểm đọc và điểm viết.